

Những đóng góp lớn của vua Minh Mạng

VĨNH THÔNG



Vua Minh Mạng, Ảnh: Tư liệu

Minh Mạng là vị vua nổi tiếng trong lịch sử triều Nguyễn, bởi đã đưa đất nước trở nên hùng mạnh trong khu vực bằng nhiều cải cách quan trọng. Tuy nhiên do tính cách có phần bảo thủ, một số chính sách chưa hợp lý... mặt khác là thái độ của giới sử học miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong thời gian dài đã nhận định về triều Nguyễn với góc nhìn tiêu cực và thiếu khách quan dẫn đến hình ảnh Minh Mạng trở nên “không đẹp” trong mắt nhiều người. Để mở rộng thêm những góc nhìn khác về vị vua này, chúng tôi xin được điểm qua một số đóng góp lớn của vua Minh Mạng đối với sự phát triển của đất nước thời bấy giờ, nhằm hướng đến cái nhìn khách quan, chính xác và tích cực hơn về một vị vua còn nhiều tranh luận.

Trước hết, về tính cách cá nhân, chúng ta không thể không thừa nhận Minh Mạng là người làm việc nghiêm túc. *Minh Mạng chính yếu* có chép lời vua: “Lòng người, ai chả muốn yên hay vì chuyện sinh sự để thay đổi luôn, lúc trẻ tuổi còn khỏe mạnh mà không

biết sửa sang mọi việc, đến lúc già yếu thì còn mong làm gì được nữa. Bởi thế trăm không dám lờn biếng bất kỳ lúc nào”. Sau khi lên ngôi (1820) Minh Mạng đã áp ủ những dự định cải cách và thực hiện chúng trong suốt 21 năm tại vị, từ chính trị, quân sự, đến giáo dục, kinh tế...

Về chính trị, cải cách đơn vị *trấn* thành *tỉnh* (1832) của Minh Mạng có ý nghĩa lớn. Sau hàng trăm năm đất nước chia cắt, đến thời Tây Sơn vẫn chưa có sự thống nhất trọn vẹn, thời vua Gia Long cả nước có 27 trấn nhưng cách chia này cũng chỉ mang tính chất tạm thời của buổi đầu tiếp quản. Đến Minh Mạng chia cả nước làm 31 tỉnh, đặt các chức quan Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Lãnh binh. Đặc biệt, dân sự hóa bộ máy hành chính, dùng quan văn để quản lý tỉnh chứ không phải các võ tướng như những thời trước. Đây là lần đầu tiên lãnh thổ nước ta trải dài từ Bắc chí Nam thống nhất cả về mặt phân chia địa giới lẫn đặt định quan chức cai quản.

Minh Mạng là vị vua đầu tiên trong lịch sử nước ta có chính sách quản lý các văn bản hành chính nhà nước một cách chặt chẽ. Khi mới

lên ngôi, vua đã đặt ra *Văn thư phòng*, sau đổi thành *Nội các*, là cơ quan có nhiệm vụ xử lý và lưu trữ các văn bản của vua và triều đình. Việc quản lý lại được chia ra theo các loại văn bản riêng. Cứ định kỳ sáu năm, nhà vua lại lập ra bộ phận thanh tra để tiến hành kiểm thảo các văn bản. Dưới thời vua Minh Mạng, lần đầu tiên nước ta có trung tâm lưu trữ quốc gia, gọi là *Tàng thư lâu* (1825). Đó là nền móng để nền văn khố triều Nguyễn còn lại đến nay, trở thành nguồn tư liệu xác đáng cho nghiên cứu lịch sử.

Về kinh tế, vua Minh Mạng cho tù binh đi khai thác đồn điền ở những đất hoang vu, đặc biệt là miền Nam. Không chỉ đơn thuần là phát triển kinh tế mà mục đích lớn hơn cả của vua là “dân sự hóa” đồn điền để hình thành làng ấp cho dân chúng định cư lâu dài. *Đại Nam thực lục* chép lại lời vua: “Tội nhân đã khỏi khổ về gông cùm, lại có cái vui làm ăn sinh sống sẽ hóa thành lương dân cả”. Đây là sáng tạo của Minh Mạng, vừa khẩn đất lập làng phát triển lao động sản xuất, vừa cải tạo tù phạm để họ hoàn lương.

Ngoài ra, để phát triển kinh

tế, dưới triều Minh Mạng còn có những chính sách về thủy lợi, đê điều, quy định ngạch thuế, làm địa bạ, đặc biệt là nhiều ngành nghề mới được ra đời như than, tơ tằm... Minh Mạng cũng đã sớm có ý tưởng áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, một số loại máy được chế tạo như máy cưa chạy bằng sức trâu và sức nước, máy nghiền thuốc súng bằng nước, máy hút nước tưới ruộng, tàu máy hơi nước... rất tiếc là những công việc này đến các triều vua sau không được coi trọng.

Về giáo dục, cũng được Minh Mạng đặc biệt quan tâm đầu tư, ông chủ trương “Đạo trị nước phải gây dựng nhân tài” nên đã cho thành lập *Quốc tử giám* (1821), mở khoa thi Hội và thi Đình đầu tiên của triều Nguyễn (1822), mở *Tứ dịch quán* để dạy ngoại ngữ (1836). Minh Mạng cũng đã nhận ra những hạn chế của khoa cử hiện hành và đã mạnh mẽ tư duy cải cách giáo dục: “Lâu nay cái học khoa cử làm cho người ta sai lầm, Trẫm nghĩ văn chương vốn không có quy củ nhất định, mà nay những văn cử nghiệp chỉ câu nệ cái hư sáo khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà

một lỗi. Nhân phẩm cao hay thấp do tự đó, khoa bảng lấy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau dần dần đổi lại”.

Vua Minh Mạng vốn coi trọng sách vở, khi vừa mới lên ngôi vua đã lập ra *Quốc sử quán* để soạn sách sử địa và đặt ra chế độ ban thưởng cho những người sưu tầm, biên soạn sách vở. Vua căn dặn quần thần nên quan tâm việc đọc sách để mở mang kiến thức: “Đạo trị nước chép ở sách vở, không xem rộng xét kỹ không thể biết hết được. Nay thư viện Thanh Hoà chứa nhiều sách lạ bốn phương, bọn khanh lúc rỗi việc mà có chí đọc sách thì mượn mà xem”. Hầu hết những bộ sử địa đồ sộ - niềm tự hào của nền văn hiến dân tộc - ra đời từ đây.

Về văn hóa, Minh Mạng lưu tâm chấn chỉnh những biểu hiện suy đồi của xã hội, đặt ra *Mười điều Huấn dụ*: đề cao luân thường, giữ lòng trong sạch, chăm lo nghề nghiệp, coi trọng tiết kiệm, giữ gìn phong tục, dạy bảo con em, chuộng học đạo chính, răn điều dâm dục, giữ gìn pháp luật, mở rộng làm

lành. Năm 1836, vua lại ban dụ: “Hễ thấy ai biếng nhác rong chơi, cờ bạc rượu chè, thì phải cầm chi đi. Những kẻ hào cường trong làng mà ý thể hồng hách điều toa kiện tụng, chống cưỡng với quan trên, dâm loạn kẻ bình dân, thì phải theo phép nước mà trừng trị”. Là bậc đế vương có lòng xót thương dân chúng nghèo khổ, vua Minh Mạng cho các quan ở Bắc Thành lấy tiền kho để lập những nhà dưỡng tế dành cho người cô độc, nghèo khổ, bệnh tật, không nhà...

Dưới triều vua Minh Mạng, nền nghệ thuật cung đình phát triển. Nhà hát tuồng Quốc gia đầu tiên của nước ta được thành lập vào năm 1826 với tên gọi *Duyệt thị đường*. *Kinh thành Huế* cũng được xây dựng hoàn tất vào năm 1832. Hai sự kiện đó góp phần để ngày nay chúng ta có hai di sản văn hóa thế giới được UNESCO vinh danh là *Kinh thành Huế* và *Nhã nhạc cung đình Huế*.

Về chủ quyền biển đảo, cũng chính là đóng góp quan trọng hàng đầu của vua Minh Mạng. Thấy được vai trò quan trọng của vùng biển nước ta nên vua chú trọng xây dựng lực lượng hải quân mạnh, thường cho binh lính

mang chiến thuyền ra biên luyện tập. Vua ý thức rằng “dụng nước trong vùng khí hậu nóng, phần lớn đất đai ven biển, thủy quân là quan trọng nhất, nên luyện tập để thuộc việc hàng hải, khi có việc mới tiện sử dụng”. Đồng thời “những nơi ven biển xung yếu như Thuận An, Tư Dung... không nơi nào không xây pháo đài, lợi dụng địa thế hiểm trở của sông núi để củng cố phòng vệ cho đất nước”.

Minh Mạng thường xuyên cử các đội thuyền ra Hoàng Sa và Trường Sa để vẽ địa đồ, trồng cây, dựng bia, lập miếu... chúng là bằng chứng hùng hồn khẳng định chủ quyền nước Đại Nam với hai quần đảo rộng lớn này. *Đại Nam thực lục chính biên* cho biết, năm 1833 vua ban chỉ dụ: “Đảo Hoàng Sa trong hải phận Quảng Ngãi, xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây thuyền buôn thường bị nạn, nay nên dự bị thuyền bè đến sang năm sẽ phái người tới dựng miếu, lập bia, lại trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn, xanh tốt, người dễ nhận biết, có thể tránh được nhiều mắc cạn. Đó cũng là việc lợi ích muôn đời vậy”.

☞ Chủ động phòng thủ biển, nhưng Minh Mạng cũng không quên phát triển hàng hải, nên hằng năm vua thường cử các đội hàng hải đến các nước Đông Nam Á hải đảo. Vua còn chủ trương học tập kỹ thuật tác chiến trên biển của Anh và Mỹ: “Trong các nước phương Tây, có nước Xích Mao và Ma Ly Căn giỏi thủy chiến, tàu của họ hoặc thuận chiều gió hoặc ngược chiều gió đều rất nhanh nhẹn... thật đáng để học tập”.

Minh Mạng cũng là vị vua đã sớm có những hoạt động cứu trợ nhân đạo trên biển, phân nào khẳng định trách nhiệm của nước Đại Nam đối với vùng biển mà mình quản lý. *Quốc triều chính biên toát yếu* ghi chuyện vào năm 1836: “Tàu buôn nước Anh Cát Lợi qua bãi Hoàng Sa bị cạn, ghé vào bãi biển Bình Định hơn 90 người. Việc ấy tàu lên, Ngài sai lựa nơi cho ở và hậu cấp tiền gạo, người chủ tàu và mấy người đầu mục ngó bộ cảm ơn lắm”.

Cửu Đỉnh trước Thế Miếu được xem như báu vật tượng trưng cho sự trường tồn của triều đại, trên đó chạm nhiều hình ảnh danh thắng trong cả nước. Vua Minh Mạng đã tinh tế chạm cả ba vùng biển chủ

quyền của nước ta là biển Đông trên Cao Đỉnh, biển Nam trên Nhân Đỉnh và biển Tây trên Chương Đỉnh. Ngoài ra còn có các cửa biển Đà Nẵng, Thuận An, Cần Giờ... Ý thức về chủ quyền biển đảo của Minh Mạng là rất nhất quán.

Nhìn chung Minh Mạng là nhà chính trị tài năng, có tầm nhìn chiến lược, thực hiện nhiều cải cách lớn cho đất nước bấy giờ và đem lại những hiệu quả tích cực. Giáo sư Phan Huy Lê đánh giá cải cách của vua Lê Thánh Tông và cải cách của vua Minh Mạng là hai cải cách hiệu quả cao trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam. Dưới thời Minh Mạng, Đại Nam là một nước có lãnh thổ rộng lớn, có nền kinh tế và quân đội mạnh trong khu vực, giáo dục được củng cố. Đặc biệt Minh Mạng đã có những chính sách cụ thể, nhất quán về vấn đề chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Sử gia Trần Trọng Kim nhận định: “Cái nghĩa vụ của người làm sử, tưởng nên kê cứu cho tường tận, rồi cứ thực mà nói, chứ không nên lấy lòng yêu ghét của mình mà xét đoán. [...] Vua Thánh Tổ làm một ông vua chuyên chế, tất thế nào cũng có nhiều điều

sai lầm và có nhiều điều tàn ác, nhưng xét cho kỹ, thì thật ngài cũng có lòng vì nước lắm. Trong lo sửa sang mọi việc làm thành ra chính tề, ngoài đánh Tiêm dẹp Lào làm cho nước không đến nỗi kém hèn. [...] Trong đời vua Thánh Tổ làm vua, pháp luật, chế độ, điều gì cũng sửa sang lại cả, làm thành một nước có cương kỷ. [...] Dẫu thế nào mặc lòng, thì ngài là một ông vua thông minh, có quả cảm, hết lòng lo việc nước, tưởng về bản triều Nguyễn chưa có ông vua nào làm được nhiều việc hơn ngài vậy” ■

V.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nhiều tác giả (2013), *Triều Nguyễn và lịch sử của chúng ta*, tái bản lần 3, Nxb Hồng Đức.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn (1972), *Minh Mạng chính yếu*, Quyển 14.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, tái bản, Nxb Thuận Hóa.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2003), *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 2, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục.
5. Trần Trọng Kim (2006), *Việt Nam sử lược*, tái bản, Nxb Thanh Hóa.